TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ X** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2022/DS-ST
Ngày: 08-8-2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng, vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Bằng;

- Ông Nguyễn Thanh Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X tham gia phiên toà: Bà Huỳnh Thị Bích Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2022, tại Tòa án nhân dân thành phố X xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 84/2022/TLST-DS ngày 01 tháng 6 năm 2022 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng, vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 97/2022/QĐXXST-DS ngày 07/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2022/QĐST - DS ngày 21 tháng 7 năm 2022 giữa:

- *Nguyên đơn*: Công ty TNHH mua bán nợ G; trụ sở Tầng 1, tầng 2, Tòa nhà PVL LT Tower, số 05 đường D1, phường LT, thành phố Đ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Trần Hữu Y, sinh năm 1996, địa chỉ: cầu Kênh 1, ấp M, xã V, thành phố X, tỉnh An Giang *(theo văn bản ủy quyền ngày 19/5/2022 của Công ty TNHH mua bán nợ G và văn bản ủy quyền số 74/UQTT-DLO.2022 ngày 20/5/2022 của Công ty Luật TNHH MTV ĐL),* có mặt.

- *Bị đơn*: Ông Lâm Chí T, sinh năm 1978, địa chỉ: tổ 01, khóm VP, phường CPA, thành phố X, tỉnh An Giang, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn Công ty TNHH mua bán nợ G có ông Trần Hữu Y đại diện trình bày:

Ngày 23/7/2017, ông Lâm Chí T có ký hợp đồng tín dụng số 20170724-0002532 với Công ty tài chính TNHH Ngân hàng SBM (viết tắt là Công ty tài chính) vay số tiền 52.750.000 đồng; lãi suất 2.63%/tháng; mục đích vay để tiêu dùng cá nhân, hình thức vay tín chấp. Theo thỏa thuận ông T có trách nhiệm thanh toán số tiền 75.737.534 đồng gồm gốc và lãi; trả liên tiếp trong vòng 30 tháng; 29 tháng đầu trả mỗi tháng 2.562.463 đồng, tháng cuối cùng trả 1.426.107 đồng, thời gian bắt đầu trả từ ngày 12/8/2017.

Ngày 28/9/2018, khoản nợ của ông Lâm Chí T đã được Công ty tài chính TNHH Ngân hàng SBM chuyển nhượng cho Công ty TNHH mua bán nợ G theo hợp đồng mua bán nợ số VPBFC-CEOO-18-0005. Qúa trình thực hiện hợp đồng ông T đã nhận đủ số tiền vay và có thanh toán cho Công ty tài chính TNHH Ngân hàng SBM được 6 lần, số tiền 12.930.000 đồng. Kể từ ngày 16/12/2017 đến nay ông T không thanh toán cho Công ty tài chính mặc dù đã được nhắc nhở nhiều lần. Đến ngày 06/5/2022 và ngày 18/6/2022, ông T trả tổng cộng được 1.500.000 đồng nợ gốc.

Do ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng, nên Công ty TNHH mua bán nợ G khởi kiện yêu cầu ông T trả toàn bộ số tiền 61.307.534 đồng, gồm nợ gốc 44.413.190 đồng, lãi 16.894.344 đồng.

Tòa án tiến hành hòa giải giữa các đương sự nhưng không tiến hành hòa giải được do bị đơn vắng mặt.

Tại phiên tòa,

- Đại diện nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn ông Lâm Chí T thanh toán cho Công ty TNHH mua bán nợ G toàn bộ gốc và lãi số tiền 61.307.534 đồng, gồm nợ gốc 44.413.190 đồng, lãi 16.894.344 đồng.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm vụ án. Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng, đối với nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nên đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về việc giải quyết vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thấy rằng, thỏa thuận vay nợ giữa Công ty tài chính TNHH Ngân hàng SBM với ông Lâm Chí T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có lập hợp đồng, phù hợp quy định pháp luật. Đồng thời, xét thấy việc Công ty tài chính TNHH

Ngân hàng SBM có thỏa thuận chuyển giao khoản nợ của ông T sang Công ty TNHH mua bán nợ G là phù hợp quy định pháp luật, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T. Qúa trình thụ lý giải quyết, Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T, nhưng ông không đến theo giấy triệu tập, tuy nhiên, ông có trả cho nguyên đơn số tiền 1.500.000 đồng trừ vào nợ gốc.

Do trong thời gian thực hiện hợp đồng phía bên vay – ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bên cho vay của Công ty TNHH mua bán nợ G nên việc Công ty TNHH mua bán nợ G khởi kiện yêu cầu ông T trả một lần số tiền còn nợ là có căn cứ chấp nhận.

Căn cứ các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 365, 463, 466, 468 BLDS 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc ông Lâm Chí T có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH mua bán nợ G 61.307.534 đồng.

Đối với việc nguyên đơn rút lại yêu cầu đối với số tiền 1.500.000 đồng, căn cứ quy định tại Điều 244 BLTTDS 2015 đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Từ phân tích trên, đề nghị HĐXX xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn là ông Lâm Chí T có nơi cư trú tại thành phố X, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố X theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[3] Về xác lập hợp đồng vay tài sản

Xét văn bản đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 20170724-0002532 ngày 23/7/2017 được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung hợp đồng không trái quy định của pháp luật. Do đó, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo hợp đồng.

[4] Về vốn và lãi vay

Căn cứ Văn bản đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 20170724-0002532; Bảng kế hoạch trả nợ và lịch sử thanh toán thì Công ty tài chính TNHH Ngân hàng SBM cho ông T vay số tiền vay số tiền 52.750.000 đồng; lãi suất 2.63%/tháng; hình thức vay tín chấp, mục đích vay để tiêu dùng cá nhân. Theo thỏa thuận ông T có trách nhiệm thanh toán số tiền 75.737.534 đồng gồm gốc và lãi; trả liên tiếp trong vòng 30 tháng, bắt đầu trả từ ngày 12/8/2017.

Qúa trình thực hiện hợp đồng, ông T đã nhận đủ số tiền vay và có thanh toán cho Công ty tài chính được 6 lần, số tiền 12.930.000 đồng. Do ông T không trả nợ sau ngày 16/12/2017 là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay. Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết ông T có trả được nợ gốc 1.500.000 đồng vào các ngày 06/5/2022 và ngày 18/6/2022. Tuy nhiên, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông T đến làm việc và hòa giải, nghe xét xử, nhưng ông vẫn không đến làm việc, mặc dù qua xác minh vẫn còn cư trú tại địa phương, vì vậy Tòa án đã niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định và xét xử vắng mặt ông T.

Đối với việc Công ty tài chính TNHH Ngân hàng SBM chuyển giao khoản nợ của ông T sang Công ty TNHH mua bán nợ G là việc chuyển giao quyền yêu cầu phù hợp theo quy định tại Điều 365 Bộ luật Dân sự 2015. Vì vậy cho nên, việc khởi kiện của Công ty mua bán nợ G yêu cầu ông T trả nợ số vốn và lãi còn lại theo Hợp đồng số tiền 61.307.534 đồng là có căn cứ theo quy định tại Điều 365, 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, nên xét chấp nhận.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Đối với việc nguyên đơn rút lại yêu cầu đối với số tiền 1.500.000 đồng, căn cứ quy định tại Điều 244 BLTTDS 2015 đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm

Nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.571.000 đồng.

Bị đơn có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.065.377 đồng.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 365, 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010; các 147, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Lâm Chí T trả cho Công ty TNHH mua bán nợ G số tiền 61.307.534 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 1.500.000 đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm

Công ty TNHH mua bán nợ G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả số tiền 1.571.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0002178 ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Châu Đốc cho Công ty TNHH mua bán nợ G.

Ông Lâm Chí T phải chịu 3.065.377 (ba triệu, không trăm sáu mươi lăm nghìn, ba trăm bảy mươi bảy) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Lâm Chí T là 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP. X (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục Thi hành án DS TPCĐ (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Thị Ngọc Hà